

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ KINGAL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ KINGAL
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KINGAL TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY
Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110674731

3. Ngày thành lập: 04/04/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 0V1805 đường XP2 khu đô thị viglacera Xuân Phương, Phường Xuân Phương,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0388897236

Fax:

Email: thanhhakingal@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (trừ đấu giá)	4610
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn đồ uống	4633
9.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
15.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
16.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng nguyên liệu và vàng miếng)	4662
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
20.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
21.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
22.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
23.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
24.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

25.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
26.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
27.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
28.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
29.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
30.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
31.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
32.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
33.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
34.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
35.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
36.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
37.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
38.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
39.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
40.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
41.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
42.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
43.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
44.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
45.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
46.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (không bao gồm sản xuất vàng miếng)	2420
47.	Đúc sắt, thép	2431
48.	Đúc kim loại màu	2432
49.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
50.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512(Chính)
51.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
52.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
53.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
54.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
55.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
56.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
57.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620

58.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
59.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
60.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
61.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
62.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
63.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
64.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đấu giá)	4774
65.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
66.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
67.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
68.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
69.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức lưu động hoặc tại chợ)	4789
70.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
71.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đấu giá)	4799
72.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
73.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
74.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
75.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
76.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
77.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
78.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
79.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
80.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
81.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
82.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
83.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

84.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh)	4773
-----	---	------

6. **Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HIỆU	Số 11 ngõ 25/106/10/23 đường Phú Minh, Tổ dân phố Văn Trì 2, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	30,000	040188010493	
			Tổng số	90.000	900.000.000	30,000		
2	ĐÀU THANH HÀ	Số 11 ngõ 25/106/10/23 đường Phú Minh, Tổ dân phố Văn Trì 2, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	60,000	034082010377	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	60,000		
3	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	Xóm Trung Thành, Xã Thịnh Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	10,000	040168017724	
			Tổng số	30.000	300.000.000	10,000		

9. **Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN THI HIẾU

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 18/12/1988

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040188010493

Ngày cấp: 30/04/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: Số 11 ngõ 25/106/10/23 đường Phú Minh, Tổ dân phố Văn Trì 2, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 11 ngõ 25/106/10/23 đường Phú Minh, Tổ dân phố Văn Trì 2,
Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội